

Bản án số: **155/2026/HS-PT**

Ngày: **28 – 5 – 2026**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Nhân**

Bà **Võ Thị Thanh Phương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 105/2026/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Hồng S và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hồng S, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 24/7/2003 tại tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Số Căn cước công dân: 070203007165, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn B, sinh năm 1974; Con bà: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ. (Có mặt)

2. Nguyễn Minh H1, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 24/12/2000 tại tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Số Căn cước công dân: 070200009471, cấp ngày 07/4/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Phương Q, sinh năm 1980; Con bà: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1982.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ. (Có mặt)

3. Nguyễn Hữu T1, tên gọi khác: T2; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 07/01/2001 tại tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Số Căn cước công dân: 070201000956, cấp ngày 11/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Hữu L, sinh năm 1962; Con bà: Lê Thị T3, sinh năm 1976.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ. (Có mặt)

4. Ngô Quốc K, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 08/9/2001 tại tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Số Căn cước công dân: 070201004747, cấp ngày 26/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Ngô Xuân Q1, sinh năm 1975; Con bà: Nguyễn Thủy N, sinh năm 1984.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng S và bị cáo Nguyễn Minh H1 theo yêu cầu: Luật sư **Võ Thanh K1**, sinh năm 1986 – Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

Địa chỉ: P, tầng A, tòa nhà D Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5, Nguyễn Ngọc Q2, Đặng Quốc V, Đặng Thị Hà M, Mai Lê Tuyết N1 và 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1, Ngô Quốc K, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Ngọc Q2, Đặng Quốc V, Đặng Thị Hà M và Mai Lê Tuyết N1 bị Viện kiểm sát nhân dân (KSND) khu vực 9 - Đồng Nai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đặng Quốc V và Mai Lê Tuyết N1 là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (công ty S1) tại Khu công nghiệp Đ II thuộc phường Đ, tỉnh (nay là thành phố) Đồng Nai. Sáng ngày 04/7/2025, trong quá trình làm việc giữa Việt và N1 xảy ra mâu thuẫn cá nhân nên N1 nói cho Nguyễn Hồng S (bạn trai N1) biết, sau đó S và N1 đi đến khu vực làm việc của V để nói chuyện, quá trình nói chuyện hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên hẹn sau khi tan làm sẽ gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Lúc này, V biết khi gặp có thể đánh nhau nên nói cho Đặng Thị Hà M (chị ruột V) về việc mâu thuẫn và hẹn gặp nhóm N1, đồng thời cho biết sẽ có thể đánh nhau. Nghe V nói vậy nên M điện thoại cho Phạm Huy T4 (chồng M) nhờ T4 đến giải quyết mâu thuẫn thì T4 đồng ý, sau đó T4 rủ thêm Đỗ Ngọc T5 đi giải quyết mâu thuẫn, T5 đồng ý. Còn về phía S và N1, sau khi hẹn gặp V để giải quyết mâu thuẫn, biết có thể sẽ đánh nhau nên S gọi cho Nguyễn Minh H1, Ngô Quốc K, Nguyễn Hữu T1 để nhờ giải quyết mâu thuẫn thì những người này đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, do trước đó được S nhờ, biết có thể đánh nhau nên H1 mang theo kiếm rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 93MA - 020.93 đi đến cổng công ty S1 gặp S và N1. Khi đến nơi, H1 một tay điều khiển

xe mô tô, một tay cầm kiếm kéo lê dưới mặt đường trước cổng công ty S1, còn S điều khiển xe mô tô BKS 93M1- 257.94 chở N1 theo sau, đi được một đoạn nhóm S thấy có lực lượng Công an đi tuần nên bỏ đi nơi khác, trên đường đi nhóm S gặp T1, K đang trên đường đến giúp S giải quyết mâu thuẫn và gặp Nguyễn Ngọc Q2 đang đi trên đường thì S nói T1, K, Q2 đến quán cháo lòng “Bà T6” trên đường T thuộc khu phố T, phường Đ, tỉnh (nay là thành phố) Đồng Nai để ăn uống. Về phía V và M, khi tan ca ra đến cổng công ty S1 do chưa thấy T4 đến, đồng thời nhìn thấy H1 mang theo kiếm đang kéo lê dưới đường tìm V, còn S chở N1 theo sau thì lo sợ nên không ra bên ngoài như đã hẹn. Khi thấy T4 (mang theo dao) chở T5 (mang theo súng là công cụ hỗ trợ) đi đến, M và V đi ra gặp T4 kể lại việc nhóm của S mang theo hung khí là kiếm, sau đó nhóm của V đi ra khu vực công khu công nghiệp Đ I; Tại đây mặc dù biết nhóm của N1 và S có mang theo hung khí, có thể dẫn đến đánh nhau nhưng M vẫn gọi cho S hẹn gặp để giải quyết mâu thuẫn thì được nhóm của S hẹn đến khu vực quán C “Bà T6” thuộc khu phố T, phường Đ, tỉnh (nay là thành phố) Đồng Nai. Nhóm của M gồm V, T4, T5 và M đi đến điểm hẹn, đứng bên đường chờ nhóm S gồm S, H1, K, T1, Q2 và N1 đi sang nói chuyện.

Trong quá trình M, V nói chuyện với N1, S thì xảy ra cãi vã, thách thức nhau nên T4 lấy 01 con dao cất giấu trong người ra đuổi chém nhóm S; Thấy vậy H1, K, T1, Q2 chạy vào quán cháo lòng “Bà T6” lấy dao, kiếm xông ra đuổi đánh nhóm của T4 gây náo loạn khu phố, thấy vậy T5 lấy 01 khẩu súng (là công cụ hỗ trợ) hướng lên trời bắn 01 phát nổ lớn, tiếp đó T5 cầm súng đuổi theo nhóm của S tiếp tục bắn 02 phát lên trời, làm người dân xung quanh lo sợ, gây mất an ninh trật tự tại khu phố. Thấy nhóm của M, V có súng nên nhóm của S bỏ chạy, sau đó nhóm của V bỏ đi nơi khác. Hành vi hẹn giải quyết mâu thuẫn của các nhóm giữa khu vực đông dân cư, sau đó dùng dao, kiếm đuổi chém và dùng súng bắn gây mất an ninh trật tự, làm cho người dân xung quanh hoang mang, lo sợ nên trình báo Cơ quan Công an. Sau khi nhận được nguồn tin, Công an phường Đ đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, đồng thời xác minh thông tin các đối tượng có hành vi gây rối trật tự công cộng. Đến ngày 05/7/2025, Nguyễn Hữu T1, Đặng Quốc V, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Hồng S, Ngô Quốc K, Nguyễn Ngọc Q2, Mai Lê Tuyết N1, Đặng Thị Hà M đến Cơ quan Công an đầu thú; Ngày 07/7/2025, Phạm Huy T4 đến Cơ quan Công an đầu thú; Ngày 12/7/2025, Đỗ Ngọc T5 đến Cơ quan Công an đầu thú. Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1, Ngô Quốc K, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Ngọc Q2, Đặng Quốc V, Đặng Thị Hà M, Mai Lê Tuyết N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

2. Quyết định của Cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng S** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh H1** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Ngô Quốc K** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5, Nguyễn Ngọc Q2, Đặng Quốc V, Đặng Thị Hà M và Mai Lê Tuyết N1 về tội “Gây rối trật tự công cộng”, cụ thể:

- Bị cáo Phạm Huy T4 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

- Bị cáo Đỗ Ngọc T5 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

- Bị cáo Đặng Quốc V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Q2 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/01/2026). Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q2 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Bị cáo Đặng Thị Hà M 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/01/2026).

- Bị cáo Mai Lê Tuyết N1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/01/2026).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, bị cáo Nguyễn Hồng S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, bị cáo Nguyễn Minh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, bị cáo Nguyễn Hữu T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; có ông ngoại là cựu chiến binh.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, bị cáo Ngô Quốc K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo S và H1 xin thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo; các bị cáo T1 và K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và đánh giá các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Nguyễn Minh H1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Nguyễn Hữu T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Ngô Quốc K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, tuy các bị cáo cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ gồm: Bị cáo S cung cấp Giấy chứng nhận phẫu thuật ngày 08/5/2023 cắt lọc, nối gân duỗi ngón IV tay phải, cha bị cáo được tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh, Giấy khen đã có thành tích trong phong trào thi đua tại địa phương; bị cáo H1 cung cấp Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, Quyết định xuất ngũ thể hiện có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2021 – 2023; bị cáo T1 cung cấp Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị cáo bị khuyết tật, mẹ bị ung thư tuyến giáp; bị cáo K cung cấp Quyết định xuất ngũ thể hiện có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2023 – 2025. Tuy nhiên, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và mức án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5. Quan điểm bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hồng S và Nguyễn Minh H1 của Luật sư:

Tại thời điểm xảy ra vụ án, nhóm bên các bị cáo Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5, Đặng Quốc V có sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chỉ bị xử phạt hành chính mà cấp sơ thẩm không điều tra, làm rõ hành vi của các bị cáo có phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” hay không là có thiếu sót. Đây cũng là

nguyên nhân dẫn đến sự việc tranh chấp, hện đánh nhau xảy ra giữa hai bên. Vì vậy, đề nghị giải quyết vụ án một cách triệt để, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định.

Trong trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị xem xét cho các bị cáo Nguyễn Hồng S và Nguyễn Minh H1 được hưởng án treo vì các bị cáo tham gia với ý thức để nói chuyện với nhóm của bị cáo T4, không phải để đánh nhau nên khi đi không đem theo hung khí gì, trong khi đó nhóm của bị cáo T4 có chuẩn bị hung khí, công cụ hỗ trợ. Khi bị nhóm của T4 đuổi đánh thì các bị cáo H1, K, T1 mới chạy vào quán cháo lòng lấy dao để ngăn chặn, riêng bị cáo S không dùng dao, không đuổi đánh ai, chỉ gọi điện thoại cho H1, T1, K đi nói chuyện với nhóm bên bị cáo T4. Vì vậy, vai trò của bị cáo S không phải là vai trò chính, chỉ là vai trò thứ yếu. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội do bị kích động do hành vi trái pháp luật của nhóm bị cáo T4. Sau khi phạm tội, bị cáo S đã ra đầu thú về hành vi của mình. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo S cung cấp Giấy chứng nhận phẫu thuật ngày 08/5/2023 cắt lợc, nổi gân đuôi ngón IV tay phải, cha bị cáo được tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh, Giấy khen đã có thành tích trong phong trào thi đua tại địa phương; bị cáo H1 cung cấp Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, Quyết định xuất ngũ thể hiện có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2021 – 2023. Ngoài ra, các bị cáo T4, T5 sử dụng hung khí và công cụ hỗ trợ gây sự trước nhưng cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo S và H1 mức án 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù bằng mức hình phạt với các bị cáo T4 và T5 là chưa phù hợp. Do các bị cáo S và H1 có nhân thân chưa tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1 được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Hữu T1 và Ngô Quốc K đã khai nhận xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa bị cáo Đặng Quốc V và Mai Lê Tuyết N1 nên khoảng 19 giờ 30 ngày 04/7/2025, Đặng Quốc V, Đặng Thị Hà M, Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5 hện nhóm

của M1 Lê Tuyết N1, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Minh H1, Ngô Quốc K, Nguyễn Ngọc Q2 gặp nhau giải quyết mâu thuẫn. Sau khi gặp nhau, các bị cáo Phạm Huy T4, Đỗ Ngọc T5, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1, Ngô Quốc K, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Ngọc Q2, Đặng Quốc V, Đặng Thị Hà M và Mai Lê Tuyết N1 có hành vi sử dụng dao, kiếm và súng là công cụ hỗ trợ để đánh nhau, giải quyết mâu thuẫn, tuy chưa gây thương tích nhưng đã gây náo loạn khu dân cư, mất an ninh, trật tự công cộng tại khu phố T, phường Đ, tỉnh Đồng Nai.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đến cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng, vi phạm quy tắc, nếp sống văn minh của người dân nơi công cộng; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình, trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận đồng thời làm lan truyền những hành động, trào lưu xấu trong giới trẻ, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác nên cần có mức hình phạt phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và các đánh giá các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Nguyễn Minh H1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Nguyễn Hữu T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Ngô Quốc K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Xét bị cáo Nguyễn Hồng S là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác, quy tụ nhiều người cùng tham gia, làm cho quy mô và tính chất vụ việc trở nên phức tạp hơn; bị cáo Nguyễn Minh H1 mang theo kiếm, kéo lê dưới đường và trực tiếp sử dụng hung khí khi xảy ra xô xát; các bị cáo Ngô Quốc K, Nguyễn Hữu T1 lấy dao tại hiện trường để tham gia đuổi đánh, góp phần duy trì và kéo dài tình trạng mất trật tự công cộng nên mức án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là không nặng như kháng cáo các bị cáo đã nêu.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo S cung cấp Giấy chứng nhận phẫu thuật ngày 08/5/2023 cắt lọc, nối gân duỗi ngón IV tay phải, cha bị cáo được tặng Kỷ niệm chương Cự chiến binh, Giấy khen đã có thành tích trong phong trào thi đua tại địa phương; bị cáo H1 cung cấp Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, Quyết định xuất ngũ thể hiện có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2021 – 2023; bị cáo T1 cung cấp Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị cáo bị khuyết tật, mẹ bị ung thư tuyến giáp; bị cáo K cung cấp Quyết định xuất

ngũ thể hiện có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2023 – 2025. Tuy các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng những tình tiết giảm nhẹ này đều thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử là thỏa đáng và phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hồng S và Nguyễn Minh H1 tại phiên tòa không phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Hữu T1 và Ngô Quốc K; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng S 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh H1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Ngô Quốc K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/7/2025.

[3] Về án phí: Mỗi bị cáo Nguyễn Hồng S, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Hữu T1 và Ngô Quốc K phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đồng Nai;
- TAND khu vực 9 – Đồng Nai (2);
- VKSND khu vực 9 – Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS – CA TP. Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT – CA TP. Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Phòng PV06 - Công an TP. Đồng Nai;
- Công an thành phố Đồng Nai;
- Công an/UBND xã Thuận Lợi, thành phố Đồng Nai;
- Cơ sở giam giữ - Các Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, THS và VP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương